

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH SÓC TRĂNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **165/2024/DS-PT**

Ngày: 10 - 7 - 2024

V/v *Tranh chấp thừa kế tài sản*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ

Bà Trương Tố Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 28 - 02 - 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:126/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:192/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thành T (Suối), sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà B, đường L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: Số nhà F, đường L, Khóm D, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bạch Sỹ C, Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh S (có mặt). Địa chỉ: Số A, Nguyễn Thị Minh K, Khóm C, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Trương Mỹ H, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà B, đường T, Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn H: Ông Võ Văn S, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đỗ Vinh Q – Văn phòng L1, thuộc đoàn Luật sư thành phố C (có mặt). Địa chỉ: Số B, Khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị C1**, sinh năm 1937 (đã chết ngày 17/4/2023):

- + Ông **Thái Văn B**, sinh năm 1927;
- + Ông **Huỳnh Hồng T1**, sinh năm 1970;
- + Ông **Huỳnh Khánh H1**, sinh năm 1971;
- + Bà **Huỳnh P**, sinh năm 1973;
- + Bà **Huỳnh Lệ C2**, sinh năm 1974;
- + Ông **Thái Khánh H2**, sinh năm 1976;
- + Ông **Thái Khánh T2**, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: **Số nhà B đường H, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Thái Văn B**, ông **Huỳnh Hồng T1**, bà **Huỳnh P**, bà **Huỳnh Lệ C2**, ông **Thái Khánh H2**, ông **Thái Khánh T2**: Ông **Huỳnh Khánh H1**, sinh năm 1971 (có mặt). Địa chỉ: **Số nhà B đường H, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** và ông **Lê Quang M**, sinh năm 1950 (có mặt). Địa chỉ: **Số E, M, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người kháng cáo: Bị đơn **Trương Mỹ H** và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị Chu**.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/5/2013 và đơn khởi kiện bổ sung 24/4/2018 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông **Huỳnh Thành T** trình bày:

Vợ chồng cụ **Huỳnh Thái S1** (chết ngày 01/3/2013) và cụ **Trương Thị T3** (chết ngày 11/4/2013) không có con ruột, chỉ có một mình ông **Huỳnh Thành T** là con nuôi hợp pháp. Sau khi hai cụ chết, Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V mời đến chứng kiến việc công bố di chúc của hai cụ lập ngày 21/5/2012. Nội dung di chúc xác định phần tài sản để lại là căn nhà gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 531132 tại thửa số 555, tờ bản đồ 02 (bản đồ chính quy thửa 306, tờ bản đồ số 64) tọa lạc tại **Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** có diện tích 53,8m² được giao cho bà **Trương Mỹ H** là chị em bà con với ông **T**. Ông **Huỳnh Thành T** không thống nhất với nội dung di chúc và cho rằng di chúc không phải nguyện vọng của cha mẹ của ông **T** vì: Cha mẹ ông **T** là người Hoa, sinh hoạt hàng ngày thường dùng tiếng Hoa, do đó chữ ký và chữ viết trong tờ di chúc không phải của cha mẹ ông **T**; Giấy khám sức khỏe ngày 28/11/2011 chỉ còn 07 ngày là đủ 06 tháng, nên không đủ cơ sở chứng minh cha mẹ còn minh mẫn khi lập di chúc; lúc cha mẹ ông **T** còn sống có phần tài sản tạo lập được sẽ làm hương quả thờ cúng: Ông **T** là con duy nhất của cha mẹ ông.

Ngoài ra, vào năm 1990, bà **Huỳnh Thị C1** có ủy quyền lại cho cụ **Huỳnh Thái S1** (cha ông **T**) được toàn quyền sở hữu căn nhà gắn liền với đất có diện tích

46m² tọa lạc **Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** (phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm tiếp giáp phía sau thửa đất số 555). Tuy nhiên, đến ngày 15/8/2023 ông **Huỳnh Thành T** làm đơn rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 24/4/2018 đối với phần đất của bà **Huỳnh Thị C1** ủy quyền cho ông **Huỳnh Thái S1** và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, ông **Huỳnh Thành T** rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu hủy toàn bộ “TỜ DI CHỨC” lập ngày 21/5/2012 của cụ **Huỳnh Thái S1** và cụ **Trương Thị T3** do di chúc không hợp pháp.

- Buộc bà **Trương Mỹ H** giao trả lại cho ông **Huỳnh Thành T** di sản mà cha mẹ của ông **Huỳnh Thành T** để lại gồm: Căn nhà gắn liền với đất có diện tích 53,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 531132 tại thửa số 555, tờ bản đồ 02 (bản đồ chính quy thửa 306, tờ bản đồ số 64) tọa lạc tại **Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**.

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên, bị đơn bà **Trương Mỹ H** trình bày:*

Bà **Trương Mỹ H** và ông **Huỳnh Thành T** đều là cháu của cụ **Trương Thị T3** và cụ **Huỳnh Thái S1**. Trước đây do có mâu thuẫn với cha mẹ nuôi, nên ông **T** bỏ cha mẹ lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Khi hai cụ bị bệnh ông **T** cũng không về chăm sóc. Bà **H** sống với hai cụ từ năm 2009 đến nay, giúp hai cụ buôn bán và chăm sóc hai cụ khi ốm đau cho đến khi hai cụ qua đời. Do bà **H** tận tâm chăm sóc hai cụ lúc già yếu, nên hai cụ mới tự nguyện giao toàn bộ tài sản cho bà **H**. Di chúc của hai cụ có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V đúng theo quy định của pháp luật.

Nay bà **Trương Mỹ H** không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Thành T**.

*Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 12/01/2023 và đơn yêu cầu độc lập bổ sung ngày 10/3/2023 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị C1**; trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị C1** đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị Chu** trình b:*

Căn nhà gắn liền với đất có diện tích khoảng 46m² là của bà **Huỳnh Thị C1** và bà **C1** không có ký tên trên “Đơn xin ủy quyền nhà ở đề ngày 16/7/1990” như ông **Huỳnh Thành T** trình bày trong đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/4/2018. Do ông **Huỳnh Thành T** không có đăng ký con nuôi và không có giấy chứng nhận con nuôi của cụ **Huỳnh Thái S1** và cụ **Trương Thị T3** theo Luật Nuôi con nuôi năm 2010 và các văn bản quy định về đăng ký nuôi con nuôi. Cho nên, ông **Huỳnh Thành T** không phải là con nuôi của cụ **Huỳnh Thái S1** và cụ **Trương Thị T3**. Đồng thời, “Tờ khai quan hệ thừa kế theo pháp luật của ông **Huỳnh Thái S1** và bà **Trương Thị T3**” do ông **Huỳnh Thành T** ký ngày 15/5/2013 và được ông **Võ Văn Đ**, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng chứng thực ký ngày 15/5/20213 là vi phạm quy định Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày

18/5/2007 của Chính Phủ và Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp về chứng thực chữ ký.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị C1** yêu cầu Tòa án xem xét các yêu cầu độc lập như sau:

- Không chấp nhận ông **Huỳnh Thành T** là con nuôi của cụ **Huỳnh Thái S1** và cụ **Trương Thị T3** theo pháp luật.

- Không chấp nhận “Tờ khai quan hệ thừa kế theo pháp luật của ông **Huỳnh Thái S1** và bà **Trương Thị T3**” do ông **Huỳnh Thành T** ký ngày 15/5/2013.

- Bác yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 24/4/2018 của ông **Huỳnh Thành T** đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Huỳnh Thị Chu**.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 đã quyết định: Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244, Điều 147, Điều 161, Điều 157, Điều 165, Điều 229, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 638, Điều 639, Điều 652, Điều 653, Điều 655, Điều 658, Điều 661 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Huỳnh Thành T** đối với bị đơn bà **Trương Mỹ H** về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

Buộc bị đơn bà **Trương Mỹ H** phải có trách nhiệm giao lại di sản thừa kế của cụ **Huỳnh Thái S1** và cụ **Trương Thị T3** là căn nhà cấp 4 gắn liền trên thửa đất số 555, tờ bản đồ 02, diện tích sử dụng 53,8m², loại đất ODT, nhà đất tọa lạc tại đường T, Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho nguyên đơn ông **Huỳnh Thành T**. Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp lộ Trung Trắc: 4,07m.

Hướng Tây giáp phần đất bà **Huỳnh Thị C1**: 3,73m.

Hướng Nam giáp thửa số 556: 24,28m.

Hướng Bắc giáp thửa 562: 24,39m.

Trên đất có căn nhà trước: Nhà liền kề kiên cố, một tầng có gác gỗ, cột gạch, nền lát gạch Ceramic, cửa gỗ, có kích thước 3,98m x 12,1m.

Nhà sau: Nhà kiên cố, cột bê tông đúc sẵn mái tol xi măng, dài 12,2m x 3,7m. Nhà trước và nhà sau đều có gác gỗ.

2. Buộc ông **Huỳnh Thành T** có trách nhiệm giao lại cho bà **Trương Mỹ H** số tiền 320.031.414 đồng (ba trăm hai mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn bốn trăm mười bốn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị C1 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Huỳnh Thị C1 là ông Huỳnh Khánh H1 yêu cầu Tòa án không công nhận ông Huỳnh Thành T có quan hệ thừa kế theo pháp luật của cụ Huỳnh Thái S1 và cụ Trương Thị T3, yêu cầu Tòa án tuyên bố Tờ Khai Quan Hệ Thừa Kế Theo Pháp Luật do ông Huỳnh Thành T tự khai, được Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V, chứng thực ngày 15/5/2013 vô hiệu.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thành T đối với phần đất bà Huỳnh Thị C1 có ủy quyền lại cho cụ Huỳnh Thái S1 vào năm 1990 được toàn quyền sở hữu căn nhà gắn liền với đất có diện tích 46m² tọa lạc Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/3/2024 bị đơn Trương Mỹ H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024 ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo hướng sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông Huỳnh Thành T không phải là con nuôi của ông Huỳnh Thái S1 và bà Trương Thị T3 nên không có tư cách khởi kiện.

Ngày 13/3/2024 người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C1 ông Huỳnh Khánh H1 có đơn kháng cáo và ngày 10/5/2024 có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét các vấn đề sau: Yêu cầu ông Huỳnh Thanh T4 cung cấp bản chính giấy khai sinh cấp ngày 04/4/1983, yêu cầu ông T4 cũng cấp giấy khai sinh có tên cha, mẹ để ông khi ông mới sinh ra, giấy khai sinh do ông T4 cung cấp cho Tòa án là giấy do cơ quan Nhà nước cấp yêu cầu xác minh việc ông S1 và bà T3 khi nhận ông T4 là con nuôi có được cơ quan hành chính ghi vào sổ hộ tịch không.

Tại Quyết định số 06/QĐ-VKS-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng kháng nghị một phần bản án dân sự số 33/2024/DS-ST ngày 28/2/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu về phần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu độc lập. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C1 ông Huỳnh Khánh H1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng thay đổi một phần kháng nghị và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Thành

T trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn **Trương Mỹ H**, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông **Huỳnh Khánh H1**, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà **Trương Mỹ H** trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn **Trương Mỹ H** sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Huỳnh Thành T**.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn **Trương Mỹ H** và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị C1** ông **Huỳnh Khánh H1** là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[2] Người có quyền kháng nghị, nội dung và hình thức quyết định kháng nghị, thời hạn kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là đúng theo quy định tại Điều 278, Điều 279 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn ông **Huỳnh Thành T** rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất bà **Huỳnh Thị C1** có ủy quyền lại cho cụ **Huỳnh Thái S1** vào năm 1990 được toàn quyền sở hữu căn nhà gắn liền với đất có diện tích 46m² tọa lạc **Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị C1** ông **Huỳnh Khánh H1**, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Giấy khai sinh lập ngày 04/4/1983 của **thị trấn V, huyện V, tỉnh Hậu Giang** được chứng thực bản sao đúng với bản chính vào ngày 03/01/2024 do Ủy ban nhân dân **Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** do Chủ tịch **Nguyễn Thanh N** ký thể hiện ông **Huỳnh Thanh T4** sinh ngày 04/8/1968 là con của ông **Huỳnh Thái S1** và bà **Trương Thị T3**. Ngoài ra, tại Tờ di chúc ngày 21 tháng 5 năm 2012 cụ **Huỳnh Thái S1** và cụ **Trương Thị T3** cũng đã xác định vợ chồng tôi chung sống với nhau nhưng không có con chung, chỉ có 01 con nuôi tên **Huỳnh Thanh T4**, sinh năm 1968. Điều này thể hiện ông **Huỳnh Thanh T4** là con nuôi của cụ **Huỳnh Thái S1** và cụ **Trương Thị T3**. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ

nội dung kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị C1** là ông **Huỳnh Khánh H1**.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn **Trương Mỹ H** yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông **Huỳnh Thành T** không phải là con nuôi của ông **Huỳnh Thái S1** và bà **Trương Thị T3** nên không có tư cách khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Về di sản thừa kế: Lúc sinh thời, cụ **Huỳnh Thái S1** chết ngày 01/3/2013 và cụ **Trương Thị T3** chết ngày 11/4/2013 có tạo lập căn nhà cấp 4 gắn liền trên thửa đất số 555, tờ bản đồ 02, diện tích sử dụng 53,8m², loại đất ODT, nhà đất tọa lạc tại **đường T, Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp cho cụ **S1** và cụ **T3** ngày 16/5/2012.

[5.2] Về giá trị tài sản tranh chấp: Theo Biên bản về việc xem xét, thẩm định tài sản định giá ngày 25/12/2014 và ngày 26/6/2020 và Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 31/12/2020 thì giá trị quyền sử dụng đất và vật kiến trúc thuộc thửa số 555, tờ bản đồ 02, diện tích sử dụng 53,8m², loại đất ODT, nhà đất tọa lạc tại **đường T, Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** có tổng giá trị là 1.600.157.070 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự trong vụ án đều thống nhất theo kết luận định giá tài sản nêu trên, không yêu cầu định giá theo giá trị thị trường.

[5.3] Cụ **Huỳnh Thái S1** (chết ngày 01/3/2013) và cụ **Trương Thị T3** (chết ngày 11/4/2013) vào ngày 21/5/2012 đã lập Tờ di chúc giao lại toàn bộ tài sản trên cho bà **Trương Mỹ H**. Đối với Tờ di chúc ngày 21/5/2012 thấy rằng, về hình thức di chúc được lập thành văn bản có chữ ký của cụ **S1** và cụ **T3** có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V là đúng theo quy định tại Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005. Về nội dung di chúc tại thời điểm lập di chúc cụ **S1** và cụ **T3** có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, người lập di chúc đã đọc lại di chúc, đồng ý với nội dung di chúc và ký vào di chúc trước mặt cán bộ **Phường A**, theo biên bản xác minh ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thì ông **Lưu Văn D** là cán bộ Tư pháp Phường 1 tiếp nhận hồ sơ và ông **Lưu Văn C3** là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường A thị xã V chứng thực di chúc điều xác định cụ **S1** và cụ **T3** trực tiếp đến Ủy ban nhân dân Phường A trình bày nguyện vọng để lại di chúc nên ngày 22/5/2012 Chủ tịch Phường 1 mới chứng thực di chúc. Tuy nhiên, phía nguyên đơn cho rằng việc chứng thực di chúc không phải do cụ **S1** và cụ **T3** mang đến Ủy ban nhân dân Phường A để chứng thực, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2014 (bút lục 41a và 41b) ông **Lưu Văn C3** trình bày: Vào ngày 21/5/2012 ông là người trực tiếp gặp ông **S1** và bà **T3** đến để xin chứng thực di chúc, ông **S1** và bà **T3** có nguyện vọng là để lại di sản thừa kế là căn nhà cho bà **H** quản lý do trước đây ông **T** có mâu thuẫn về tiền bạc nên đã bỏ đi không còn ở chung, ông **S1** và bà **T3** nói tiếng Việt rất rành, trong di chúc trình bày là giao tài sản cho bà **H** quản lý thì ông **S1** và bà **T3** nói ghi như vậy vì sơ sau này giao xong sẽ bán mất nên mới ghi trong di chúc là giao để quản lý chứ không cho

bán. Khi đến chứng thực di chúc hai vợ chồng ông S1 và bà T3 hoàn toàn minh mẫn.

[5.4] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng cụ S1 và cụ T3 nói không rành tiếng Việt và không viết được chữ V. Xét thấy, tại Biên bản đối chất ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu (bút lục 433 đến 436) thì: Bà Trương Thị N1 (là em ruột cụ T3), ông Lâm Văn B1 (cháu bà T3), bà Võ Thị M1, ông Huỳnh Hải S2 (người làm công cho cụ S1 và cụ T3) và ông Mai Văn T5 đều khẳng định cụ S1 và cụ T3 nói rành tiếng Việt, trực tiếp thấy các cụ ghi tiếng Việt khi ghi hóa đơn cho khách đến mua hàng hóa vì các cụ buôn bán tại chợ V1 từ nhỏ cho đến lớn và các cụ biết cả 03 thứ tiếng Kinh, H3, K1. Do đó, nguyên đơn cho rằng cụ S1 và cụ T3 không biết rành tiếng Việt và không viết chữ tiếng Việt được là không có căn cứ.

[5.5] Ngoài ra, tại Kết luận giám định số 423/PC54-GĐ, ngày 08/01/2018 của Phòng K2 Công an tỉnh S thì kết luận chữ ký trong tờ di chúc ngày 21/5/2012 là chữ ký của cụ S1 còn chữ ký của cụ T3 do chữ ký ở tài liệu mẫu so sánh giám định không đủ số lượng nên không thể kết luận. Đối với Kết luận số 985/C09B ngày 22/02/2019 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C4 tại Thành phố Hồ Chí Minh thì kết luận chữ ký tên Huỳnh Thái S1 không đủ cơ sở kết luận chữ ký là do cùng một người ký ra hay không. Do đó, cũng chưa có căn cứ để xác định Kết luận giám định số 423/PC54-GĐ, ngày 08/01/2018 của Phòng K2 Công an tỉnh S là chưa đúng. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định di chúc lập ngày 21/5/2012 là hợp pháp.

[6] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc ngày 21/5/2012 là không hợp pháp và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn giao di sản cho nguyên đơn là không phù hợp. Ngoài ra, tại Quyết định giám đốc thẩm số 207/2016/DS-GĐT ngày 07/9/2016 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định: “Mặc dù di chúc không nêu rõ di sản giao cho bà H quản lý nhằm mục đích gì, để thờ cúng hay để sau này giao lại cho người thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà H đều khai thống nhất rằng nguyện vọng của hai cụ là dùng di sản nêu trên vào việc thờ cúng. Tại Biên bản xác minh ngày 21/4/2014, ông Lưu Văn D – Cán bộ tư pháp Phường A và ông Lưu Văn C3 – Chủ tịch A là những người đã nhận hồ sơ và chứng thực di chúc của cụ S1 và cụ T3 cũng xác định ý nguyện của hai cụ là giao lại tài sản cho bà H quản lý, dùng làm nhà tổ để thờ cúng, không được sang bán. Như vậy, mục đích để lại di chúc của hai cụ là dùng vào việc thờ cúng và di chúc đã chỉ định bà H là người quản lý di sản thì yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc bà H phải giao lại di sản là không có cơ sở”.

[7] Từ những căn cứ như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C1 là ông Huỳnh Khánh H1, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Trương Thị H4, sửa bản án dân sự sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thành T, không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn H4 đối với kháng cáo

ông **Huỳnh Thành T** không phải là con nuôi của ông **Huỳnh Thái S1** và bà **Trương Thị T3** nên không có tư cách khởi kiện.

[8] Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng cũng được sửa cho phù hợp.

[9] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có không căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[12] Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 148, Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị C1** là ông **Huỳnh Khánh H1**.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn **Trương Mỹ H**.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, án được tuyên lại như sau:

Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244, Điều 147, Điều 161, Điều 157, Điều 165, Điều 229, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 638, Điều 639, Điều 652, Điều 653, Điều 655, Điều 658, Điều 661 của Bộ Luật dân sự năm 2005. Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Huỳnh Thành T** về việc buộc bị đơn bà **Trương Mỹ H** phải có trách nhiệm giao lại di sản thừa kế của cụ **Huỳnh Thái S1** và cụ **Trương Thị T3** là căn nhà cấp 4 gắn liền trên thửa đất số 555, tờ bản đồ 02, diện tích sử dụng 53,8m², loại đất ODT, nhà đất tọa lạc tại đường T, Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho nguyên đơn ông **Huỳnh Thành T**.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà **Huỳnh Thị C1** và người kế thừa

quyền và nghĩa vụ của bà **Huỳnh Thị C1** là ông **Huỳnh Khánh H1** yêu cầu Tòa án không công nhận ông **Huỳnh Thành T** có quan hệ thừa kế theo pháp luật của cụ **Huỳnh Thái S1** và cụ **Trương Thị T3**, yêu cầu Tòa án tuyên bố Tờ Khai Quan Hệ Thừa Kế Theo Pháp Luật do ông **Huỳnh Thành T** tự khai, được Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V, chứng thực ngày 15/5/2013 vô hiệu.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Thành T** đối với phần đất bà **Huỳnh Thị C1** có ủy quyền lại cho cụ **Huỳnh Thái S1** vào năm 1990 được toàn quyền sở hữu căn nhà gắn liền với đất có diện tích 46m² tọa lạc **Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

4. Về chi phí giám định: Ông **Huỳnh Thành T** phải chịu tổng cộng là 3.915.000 đồng. Bà **Trương Mỹ H** đã nộp trước số tiền 2.295.000 đồng, ông **T** đã nộp 1.620.000 đồng. Ông **T** có nghĩa vụ hoàn trả cho bà **H** số tiền 2.295.000 đồng.

5. Về chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Ông **Huỳnh Thành T** phải chịu là 4.464.045 đồng. Ông **Huỳnh Thành T** đã thanh toán xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Bà **Trương Mỹ H** không phải chịu.

6.2. Ông **Huỳnh Thành T** phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000851 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Hoàn trả cho ông **T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.052.500 đồng theo Biên lai thu tiền số 005964 ngày 20/6/2013; số tiền 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 00351 ngày 01/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

6.3. Người kế thừa của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị C1** không phải nộp án phí.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Trương Mỹ H** không phải chịu, hoàn trả cho bà **H** số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003145 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

8. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành